

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN
Số: 4931 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 18 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 4596/SNN-TS ngày 07/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ngành cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (đề b/c));
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT NN UBND tỉnh
- PVP TC UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN (M).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số 4931 /QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An)

Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 (Chiến lược). Ngày 06/5/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Để cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực thủy sản của tỉnh đúng quan điểm, mục tiêu, định hướng của Chiến lược, phù hợp với Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đồng thời quản lý toàn diện, đồng bộ các hoạt động của ngành theo chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo điều kiện để thủy sản Nghệ An phát triển và hội nhập quốc tế, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển ngành thủy sản tỉnh Nghệ An thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, gắn với CNH-HĐH; phát triển theo hướng bền vững, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế; đời sống, vật chất tinh thần của ngư dân, người lao động thủy sản không ngừng được nâng cao; gắn với việc bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản và quốc phòng, an ninh vùng biển, đảo của Tổ quốc.

- Triển khai nghiêm túc, có chất lượng nhằm nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, định hướng và giải pháp Chiến lược đề ra.

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện đối với từng lĩnh vực trong ngành thủy sản Nghệ An đến năm 2025, kế hoạch tổng thể đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Từ đó xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược đồng bộ, kịp thời, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị và các huyện/thành phố/thị xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

- Về kinh tế thủy sản:

+ Đến năm 2025, tổng sản lượng thủy sản là 255.000 tấn; giá trị sản xuất (giá hiện hành) ước đạt 14.584 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn đạt 8,71%/năm.

+ Đến năm 2030, tổng sản lượng thủy sản là 275.000 tấn; giá trị sản xuất (giá hiện hành) ước đạt 20.895 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn đạt 7,5%/năm.

- Về khai thác thủy sản:

+ Sản lượng khai thác thủy sản năm 2025 duy trì ổn định ở mức 180.000 tấn, đến năm 2030 duy trì mức 185.000 tấn.

+ Số lượng tàu cá giảm dần, đặc biệt là tàu cá khai thác gần bờ, tăng đội tàu khai thác xa bờ, đến năm 2025 còn 3.350 chiếc, năm 2030 là 3.250 chiếc.

- Về nuôi trồng thủy sản

+ Tăng dần sản lượng nuôi trồng, đến năm 2025 sản lượng nuôi trồng ước đạt 75.000 tấn, đến năm 2030 phấn đấu sản lượng nuôi trồng đạt 90.000 tấn.

+ Ổn định diện tích nuôi tôm, mở rộng diện tích nuôi thủy sản nước ngọt, đến năm 2025 diện tích nuôi thủy sản đạt 25.500 ha, năm 2030 đạt 26.500 ha.

- Về chế biến thủy sản: phát triển sản phẩm chế biến xuất khẩu, đến năm 2025 đạt 35.000 tấn, năm 2030 đạt 45.000 tấn.

- Về thị trường tiêu thụ: đến năm năm 2025, giá trị chế biến xuất khẩu đạt 50 triệu USD, năm 2030 đạt 70 triệu USD.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, thể chế

a) Hoàn thiện tổ chức bộ máy

Kiện toàn, củng cố, hoàn thiện và nâng cao năng lực hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành thủy sản trên địa bàn tỉnh theo đúng chủ trương của Đảng, quy định của Luật Thủy sản, các văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn.

b) Hoàn thiện thể chế

- Rà soát, đề xuất, sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy sản phù hợp với Luật Thủy sản, các chính sách về phát triển thủy sản.

- Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực thủy sản thông qua việc tổ chức các hội nghị, các lớp tập huấn cho đối tượng liên quan tại các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng chương trình, đề án ưu tiên thực hiện Chiến lược

- Chương trình phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Đề án phát triển hạ tầng và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá đến năm 2030.

- Đề án phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ vùng thâm canh nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030.

- Đề án phát triển nuôi biển tỉnh Nghệ An đến năm 2030.

- Đề án xây dựng khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Vịnh Diễn Châu.

- Đề án phát triển đồng quản lý trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ tỉnh Nghệ An.

3. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ

- Tổ chức ứng dụng, chuyên gia khoa học công nghệ phục vụ phát triển thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng, giảm chi phí sản xuất, giảm tổn thất sau thu hoạch và phát triển bền vững ngành thủy sản

- Tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ đầu tư, sản xuất, chế biến, tiêu thụ, quản lý chất lượng hàng hóa, vật tư chuyên ngành thủy sản; Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kỹ thuật trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản.

- Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, cơ giới hóa, hiện đại hóa tàu cá; giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch, đảm bảo an toàn thực phẩm cho tàu cá. Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển nhằm chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các sự cố, rủi ro, thiên tai trên biển.

- Phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, giảm giá thành sản xuất, thân thiện môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu. Xây dựng các mô hình công nghiệp nuôi biển tiên tiến nâng cao giá trị. Áp dụng và nhân rộng mô hình công nghệ cao trong nuôi tôm theo hình thức thâm canh và siêu thâm canh.

- Ứng dụng công nghệ mới để sản xuất các mặt hàng có giá trị gia tăng cao từ nguyên liệu tôm, mực, cá; các mặt hàng nguyên liệu sẵn có tại địa phương, thực hiện đa dạng hóa sản phẩm. Xây dựng sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm đặc sản địa phương theo chương trình “Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)“.

4. Tổ chức sản xuất thủy sản

4.1. Trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

- a) Điều tra, đánh giá nguồn lợi hải sản vùng ven bờ và vùng lòng biển Nghệ An. Đề xuất các giải pháp bảo vệ và khai thác bền vững.
- b) Triển khai thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- c) Tổ chức hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản.
- d) Xây dựng khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Vịnh Diễn Châu,
- e) Xây dựng khu bảo tồn biển khu vực đảo Ngư, đảo Mắt.
- f) Xây dựng Quỹ Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản tại địa phương theo Luật Thủy sản và các hướng dẫn của Trung ương.

4.2. Khai thác thủy sản

- a) Triển khai quyết liệt nhiệm vụ chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.
- b) Tổ chức lại khai thác vùng lòng, vùng ven bờ và khai thác thủy sản nội địa hợp lý, gắn phát triển sinh kế cộng đồng ngư dân với nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái, nghề cá giải trí, giảm thiểu, tiến tới chấm dứt nghề khai thác có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản. Ổn định và giảm dần nghề khai thác thủy sản vùng khơi theo hướng thân thiện môi trường.
- c) Tổ chức khai thác thủy sản theo tổ hợp tác, hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá, khuyến khích các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực khai thác thủy sản, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.
- d) Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên địa bàn tỉnh. Trang bị hệ thống hỗ trợ giám sát hoạt động khai thác trên biển cho đội tàu Kiểm ngư. Ứng dụng công nghệ thông tin mới vào công tác giám sát tàu cá, quản lý khai thác thủy sản.

4.3. Nuôi trồng thủy sản

- a) Về sản xuất giống
 - Phát triển sản xuất, ương dưỡng giống tôm, cá rô phi ứng dụng công nghệ cao tạo ra con giống tăng trưởng nhanh, sạch bệnh và sức chống chịu cao.
 - Triển khai chuyển giao công nghệ tiến tiến sản xuất, ương dưỡng giống các đối tượng thủy sản đặc sản: Lăng, Leo, Chình, Trắm đen, Vược, Lươn,...
- b) Về nuôi trồng thủy sản
 - Tổ chức, phát triển các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi, gắn với tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện môi trường.

- Phát triển nuôi tôm nước lợ ứng dụng các công nghệ sinh học, công nghệ mới, quy trình nuôi nhiều giai đoạn, nuôi tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng,...

- Triển khai nuôi cá nước ngọt áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với bảo vệ môi trường

- Triển khai nuôi trồng thủy sản trên biển, trước tiên xây dựng mô hình nuôi lồng công nghệ cao phù hợp vùng biển hở và kêu gọi thu hút các công ty, doanh nghiệp có năng lực về kinh tế đầu tư phát triển nuôi lồng trên biển.

- Phát triển nuôi trồng vi tảo, rong biển phục vụ nhu cầu thực phẩm và cung cấp nguyên liệu cho các ngành kinh tế khác (mỹ phẩm, dược phẩm,...).

c) Công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh thủy sản

- Xây dựng và triển khai kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Triển khai Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản.

4.4. Chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản

- Xây dựng các khu công nghiệp chế biến thủy sản, kêu gọi, thu hút nhà đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến có quy mô lớn với công nghệ, thiết bị chế biến hiện đại, đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

- Xây dựng, phát huy năng lực các khu chế biến thủy sản tập trung; khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào khu chế biến tập trung.

- Đổi mới công nghệ, phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm thủy sản sẵn có trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy áp dụng trang thiết bị, công nghệ hiện đại, cơ giới hóa, ứng dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến,... nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Áp dụng công nghệ mới để sản xuất các mặt hàng có giá trị gia tăng cao từ nguyên liệu tôm, mực, cá; các mặt hàng từ nguyên liệu sẵn có tại địa phương như ruốc, ngao, cá các loại; thực hiện đa dạng hóa sản phẩm. Xây dựng sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm đặc sản địa phương theo chương trình "Một xã một sản phẩm" (OCOP).

- Xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho cơ quan quản lý.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, không khí...) tại khu nuôi trồng, chế biến thủy sản.

4.5. Cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá

- Đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

- Hình thành một số chợ đầu mối thủy sản tại các vùng trọng điểm.

- Khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Cùng cố, phát triển ngành cơ khí, đóng mới, sửa chữa tàu cá, ưu tiên sử dụng vật liệu mới trong đóng tàu cá.

- Áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tự động hóa, chuyên đổi số nâng cao hiệu quả trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thủy sản.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, không khí.....) tại khu nuôi trồng, chế biến thủy sản.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường đầu tư chuyên ngành thủy sản hiệu quả

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, tăng cường thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách; phát triển xúc tiến đầu tư, tạo nguồn lực đầu tư để phát triển ngành thủy sản.

- Lựa chọn dự án đầu tư phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, từng giai đoạn, thuộc các chương trình, đề án phát triển ngành thủy sản.

- Bố trí nguồn vốn theo kế hoạch dài hạn, trung hạn, hằng năm để ưu tiên các dự án xây dựng, nâng cấp các cảng/bến cá, khu neo đậu tránh trú bão, các kè bao và nạo vét ở các vùng cửa sông, lạch ven biển. Quan tâm, bố trí nguồn lực cho công tác quản lý sau đầu tư; duy tu, bảo trì công trình đảm bảo yêu cầu sử dụng.

- Nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực thủy sản để động viên, khuyến khích người dân, các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thủy sản.

2. Tổ chức sản xuất thủy sản

- Tổ chức liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến tiêu thụ ở tất cả các lĩnh vực và đối tượng sản phẩm, tạo sự gắn kết, chia sẻ lợi nhuận, rủi ro giữa các doanh nghiệp, người sản xuất, dịch vụ vật tư đầu vào và các doanh nghiệp chế biến thủy sản nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước.

- Tổ chức các mô hình sản xuất theo đặc thù từng lĩnh vực trên từng khu vực, từng vùng, miền. Phát triển các mô hình tổ hợp tác xã, đồng quản lý, liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp chế biến tiêu thụ với doanh nghiệp và

người khai thác, nuôi trồng thủy sản. Xây dựng các vùng nuôi công nghiệp, công nghệ cao sản xuất thủy sản hàng hóa lớn.

- Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng rộng rãi sản xuất an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, cấp mã số vùng nuôi, gắn với việc truy xuất nguồn gốc, điều kiện an toàn thực phẩm và thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP). Tăng cường năng lực phòng ngừa và cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Giảm khai thác thủy sản ven bờ, đẩy mạnh phát triển khai thác xa bờ để bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Tổ chức thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Tổ chức tốt thông tin liên lạc, cảnh báo thiên tai kịp thời cho ngư dân trên biển, bảo đảm an toàn đi biển, tổ chức ứng cứu kịp thời khi có rủi ro. Giao quyền quản lý, sử dụng vùng nước ven biển cho các tổ chức cộng đồng ngư dân thực hiện đồng quản lý, bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản. Giảm tổn thất sau thu hoạch từ khai thác thủy sản.

- Tổ chức bảo tồn, khai thác nguồn lợi thủy sản và phát triển nuôi trồng thủy sản gắn kết chặt chẽ, hài hòa lợi ích phát triển các ngành kinh tế khác như du lịch, năng lượng, giao thông và phát triển đô thị công nghiệp, ... trong quy hoạch không gian biển, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng vùng và từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ

- Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến, công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý ngành và đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thủy sản trong bảo quản, gia hóa, lựa chọn và phát triển giống; sản xuất, bảo quản, chế biến, phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường; áp dụng sản xuất thủy sản tiết kiệm nước, tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng; quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, dự báo ngư trường; điều tra, khảo sát, giám sát hoạt động sản xuất; thúc đẩy áp dụng trang thiết bị, công nghệ hiện đại (cấp đông nhanh, sấy chân không,...), cơ giới hóa, ứng dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, Codex).

- Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ vào sản xuất.

- Tuân thủ thực hiện hệ thống các tiêu chuẩn chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất từ khâu sản xuất (nuôi trồng và khai thác thủy sản), tiếp nhận, bảo quản nguyên liệu đến chế biến sản phẩm.

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến tạo điều kiện đưa sản phẩm thủy sản vào được các thị trường, tăng sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng, tiện dụng đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.

- Xây dựng mô hình khuyến ngư trên tất cả các lĩnh vực, từng bước hình thành mạng lưới dịch vụ Khuyến ngư tư vấn kỹ thuật, xã hội hóa công tác Khuyến ngư.

4. Nâng cao năng lực chế biến thủy sản

- Đẩy mạnh quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định trong nước và quốc tế.

- Nâng cao tỷ trọng sản phẩm chế biến có chất lượng, sức cạnh tranh cao phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; chuyển dịch hợp lý cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng cao tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu.

- Đầu tư khoa học công nghệ tiên tiến nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản. Thu hút các công ty, doanh nghiệp có tiềm lực lớn về đầu tư cơ sở chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Đẩy mạnh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, tiêu chuẩn ISO và công nghệ mới vào khâu thu hoạch, vận chuyển, chế biến, bảo quản các loại sản phẩm thủy sản để tiết kiệm nhiên liệu, giảm giá thành sản phẩm, tăng tỷ trọng mặt hàng giá trị gia tăng.

- Xây dựng, phát triển mạng lưới tiêu thụ sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm thủy sản; tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho cơ quan quản lý.

5. Tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực

a) Tăng cường năng lực trong công tác quản lý

- Xây dựng và ban hành các quy định quản lý về lĩnh vực thủy sản có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản gắn với bảo vệ ngư dân và quốc phòng an ninh trên biển đảo.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực thủy sản; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành thủy sản.

b) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ công tác trong lĩnh vực thủy sản.

- Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, có chuyên môn đáp ứng nhu cầu trong sản xuất thủy sản thông qua các chương trình đào tạo nghề nghiệp; đào tạo nghề cho lao động trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và phát triển thị trường.

6. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và hội nhập quốc tế

- Phát triển mở rộng thị trường trong nước, trong tỉnh, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tại các nước.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc, sản xuất theo chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò cầu nối và là động lực của toàn chuỗi giá trị.

- Đẩy mạnh xây dựng, bảo vệ thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm thủy sản Nghệ An, sản phẩm có chỉ dẫn địa lý uy tín, đáp ứng thị hiếu, xây dựng lòng tin của người tiêu dùng.

- Khuyến khích, hỗ trợ các cá nhân/tổ chức, hội, hiệp hội chủ động triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm thủy sản Nghệ An. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu sản phẩm thủy sản tham gia vào các sự kiện triển lãm, hội chợ, hội thảo để trao đổi, tiếp cận với thông tin thị trường.

- Kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, truyền thông về an toàn thực phẩm thủy sản trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của người sản xuất kinh doanh thực phẩm, thay đổi hành vi để sản xuất thực phẩm an toàn.

- Tuyên truyền về cách lựa chọn sản phẩm an toàn, sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ được kiểm soát theo chuỗi để người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm được sản xuất trong điều kiện đảm bảo an toàn, thúc đẩy việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được sản xuất theo chuỗi an toàn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch theo đúng mục tiêu, tiến độ và nhiệm vụ đề ra.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố/thị xã triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực thủy sản, tích cực chỉ đạo phát triển thủy sản bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp thông lệ quốc tế.

- Tham mưu, chỉ đạo, quản lý sản xuất thủy sản theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh.

- Chủ trì xây dựng các chương trình, đề án theo kế hoạch; báo cáo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Lập dự toán kinh phí thực hiện hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí để thực hiện.

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện cụ thể như sau:

*** Chi cục Thủy sản:**

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quản lý và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

+ Xây dựng các chính sách, chương trình, đề án, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

+ Hỗ trợ, hướng dẫn địa phương trong công tác quản lý, phát triển lĩnh vực thủy sản theo chiến lược.

+ Xây dựng các phương án bảo vệ môi trường, phòng ngừa, thích ứng biến đổi khí hậu tác động đến ngành thủy sản của tỉnh.

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và địa phương thực hiện chế độ giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện và kết quả triển khai Chiến lược trên địa bàn tỉnh, đồng thời có kiến nghị, đề xuất Sở Nông nghiệp và PTNT trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

*** Chi cục Chăn nuôi và Thú y:**

+ Chủ trì, chỉ đạo, phối hợp thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh.

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, địa phương tổ chức xây dựng các vùng, cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh.

*** Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản:**

- Chủ trì thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định trong nước và quốc tế.

- Xây dựng các cơ chế chính sách thu hút các nhà đầu tư cơ sở chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An; khuyến khích doanh nghiệp chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng, chất lượng cao, có sức cạnh tranh.

- Xây dựng chương trình xúc tiến thương mại, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm để phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản trong nước và xuất khẩu.

- Nghiên cứu xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thủy sản, gắn với chỉ dẫn địa lý; xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể đối với các sản phẩm chế biến thủy sản làng nghề.

- Chủ trì, phối hợp hỗ trợ cho các cá nhân, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo liên kết từ nhà sản xuất nguyên liệu, nhà chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

*** Trung tâm Khuyến nông:**

+ Chủ trì xây dựng các cơ chế, chính sách về khuyến ngư; thông tin tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của người nuôi, người tiêu dùng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

+ Chủ trì, tổ chức xây dựng, phổ biến, nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học.

+ Tham gia tổ chức triển khai xây dựng mô hình các chuỗi, vùng nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, căn cứ khả năng cân đối vốn, tham mưu bố trí kinh phí để thực hiện các dự án lĩnh vực thủy sản trong Kế hoạch này theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; tham mưu bố trí nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, dự án khác để thực hiện.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định. Riêng đối với nguồn ngân sách tỉnh: Hàng năm căn cứ vào tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch được phê duyệt, căn cứ vào khả năng ngân sách của địa phương, Sở Tài chính tham mưu báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định số kinh phí để thực hiện.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ để phục vụ phát triển thủy sản.

- Xác định danh mục, nhiệm vụ khoa học công nghệ phát triển ngành thủy sản; nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ tiên tiến trong sản xuất giống, nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện, vận dụng cơ chế chính sách của Trung ương về huy động các nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức khác tham gia vào nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển ngành thủy sản trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ và thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, đưa sản phẩm thủy sản có thương hiệu của Nghệ An lên sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh và các sàn uy tín trong, ngoài nước.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác sử dụng đất, khu vực biển để phục vụ nuôi trồng, chế biến thủy sản có hiệu quả. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các chế độ chính sách giao đất, giao khu vực biển nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong lĩnh vực sản xuất giống, nuôi trồng, chế biến thủy sản.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí của tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã thực hiện công tác tuyên truyền việc triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 đến người dân để nắm bắt được định hướng chung của ngành thủy sản tỉnh nhà.

- Chỉ đạo Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An phối hợp với các ngành, địa phương xây dựng và định kỳ phát sóng các phóng sự, phim tài liệu tin bài về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch hành động này.

8. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chính quyền địa phương triển khai quyết liệt công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Điều tra, rà soát, thống kê, phân loại, lập danh sách theo dõi, quản lý các phương tiện ra vào hoạt động trên biển; đặc biệt là các phương tiện có dấu hiệu vi phạm, các phương tiện đánh bắt xa bờ, hoạt động dài ngày.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp cho ngư dân nắm chắc và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về hoạt động thủy sản, nâng cao nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của ngư dân; tăng cường tuyên truyền trực tiếp cho các chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân hoạt động khai thác hải sản.

- Triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp nghiệp vụ thường xuyên nắm bắt tình hình, quản lý chặt chẽ hoạt động của các tàu cá từ trong bờ, ở các bến bãi và trên các vùng biển; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tàu cá khi nhập bến, xuất bến theo quy định.

- Phối hợp với Công an tỉnh và các lực lượng chức năng nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các chủ tàu, thuyền trưởng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đưa tàu cá, ngư dân Việt Nam sang vùng biển nước ngoài khai thác thủy sản trái phép; các hành vi môi giới, đầu tư cho tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài, chuộc tàu cá, ngư dân về nước trái phép. Thường xuyên tổng hợp tình hình tàu cá và ngư dân vi phạm.

9. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu đảm bảo ANTT các chương trình, dự án phát triển thủy sản. Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý các đối tượng tổ chức, môi giới đưa tàu cá, ngư dân ra nước ngoài khai thác hải sản trái phép; sử dụng các phương thức nguy trang để đi khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài, môi giới chuộc tàu, ngư dân bị nước ngoài bắt giữ về nước trái phép; giả mạo trong chứng nhận nguồn gốc hải sản, các hành vi lợi dụng tàu cá, khai thác hải sản để buôn lậu, tổ chức vượt biên trái phép. Phát hiện, xử lý các hành vi sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham gia các đợt tuần tra, kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

10. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan có liên quan kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thủy sản và tăng cường giới thiệu, quảng bá các sản phẩm thủy sản của tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Trên cơ sở Kế hoạch này, xây dựng và thực hiện hiệu quả Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền việc triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 cho người dân để nắm bắt được định hướng chung của ngành thủy sản tỉnh nhà.

- Tổ chức tốt công tác sản xuất nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá để tạo sự ổn định, nâng cao giá trị sản phẩm và tăng thu nhập cho lao động.

- Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá Chiến lược theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

12. Các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất

Chấp hành nghiêm túc các chủ trương chính sách của nhà nước, địa phương. Tham gia tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác và liên kết phát triển theo chuỗi giá trị, từ cung ứng các dịch vụ đầu vào đến nuôi trồng, khai thác, thu mua chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, để nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững. *M. N. V.*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Phụ lục

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỦY SẢN TỈNH NGHỆ AN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4931/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	HOÀN THIỆN TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ			
1	Hoàn thiện tổ chức bộ máy			
1.1	Rà soát, củng cố bộ máy, nâng cao năng lực cán bộ quản lý Nhà nước chuyên ngành thủy sản tại địa phương.	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện/thành phố/thị xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
2	Hoàn thiện thể chế			
2.1	Rà soát, đề xuất, sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy sản phù hợp với Luật Thủy sản, các chính sách về phát triển thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	2022-2023
2.2	Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực thủy sản thông qua việc tổ chức các hội nghị, các lớp tập huấn cho đối tượng liên quan tại các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Hàng năm
II	XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN			
1	Chương trình phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	2021
2	Đề án phát triển hạ tầng và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	2022-2023
3	Đề án phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ vùng thâm canh nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	2021

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Đề án phát triển nuôi biển tỉnh Nghệ An đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	2023-2024
5	Đề án xây dựng khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Vịnh Diễn Châu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên - Môi trường, các ngành liên quan, UBND huyện Diễn Châu	2023-2024
6	Đề án phát triển đồng quản lý trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	2024-2025
III	PHÁT TRIỂN, ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ			
1	Tổ chức ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển thủy sản.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan.	Hàng năm
2	Tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ đầu tư, sản xuất, chế biến, tiêu thụ, quản lý chất lượng hàng hóa, vật tư chuyên ngành thủy sản. Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kỹ thuật trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
IV	TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
1	Lĩnh vực bảo tồn, phát triển nguồn lợi thủy sản			
1.1	Điều tra, đánh giá nguồn lợi hải sản vùng ven bờ và vùng lộng biển Nghệ An. Đề xuất các giải pháp bảo vệ và khai thác bền vững.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị, xã, phường ven biển.	2022-2022
1.2	Triển khai thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Bộ đội Biên phòng, Công an, UBND các huyện, thị xã và các ngành có liên quan.	2022-2030
1.3	Tổ chức hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã và các ngành có liên quan.	2022-2030
1.4	Xây dựng khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Vịnh Diễn Châu,	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND huyện Diễn Châu,	2023-2025
1.5	Xây dựng khu bảo tồn biển khu vực đảo Ngư, đảo Mát.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1.6	Xây dựng Quỹ Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản tại địa phương theo Luật Thủy sản và các hướng dẫn của Trung ương.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị, xã, phường ven biển.	2022-2030
2	Lĩnh vực khai thác thủy sản			
2.1	Triển khai quyết liệt nhiệm vụ chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định	Sở Nông nghiệp & PTNT Bộ Chỉ huy Bộ đội BP tỉnh	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị, xã, phường ven biển.	Hàng năm
2.2	Tổ chức lại khai thác vùng lộng, vùng ven bờ và vùng nội địa, gắn phát triển sinh kế cộng đồng.	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, thị, xã, phường ven biển.	2022-2025
2.3	Tổ chức khai thác thủy sản theo tổ hợp tác, hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá.	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện thị ven biển, Hội nghề cá và các tổ chức, cá nhân liên quan	2022-2030
2.4	Trang bị hệ thống hỗ trợ giám sát hoạt động khai thác trên biển cho đội tàu Kiểm ngư. Ứng dụng công nghệ thông tin mới vào công tác giám sát tàu cá, quản lý khai thác thủy sản.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan.	2022-2025
3	Lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản			
3.1	Về giống thủy sản			
-	Phát triển sản xuất, ương dưỡng giống tôm, cá rô phi ứng dụng công nghệ cao tạo ra con giống tăng trưởng nhanh, sạch bệnh và sức chống chịu cao.	Chi cục Thủy sản; Trung tâm giống thủy sản; UBND huyện/thành phố/thị xã	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức/cá nhân có liên quan;	Hàng năm
-	Triển khai chuyên giao công nghệ tiến tiến sản xuất, ương dưỡng giống các đối tượng thủy sản đặc sản: Lăng, Leo, Chình, Trắm đen, Vược, Lươn,...	Chi cục Thủy sản; Trung tâm giống thủy sản; UBND huyện/thành phố/thị xã	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức/cá nhân có liên quan;	2022-2025
3.2	Về nuôi trồng thủy sản			
-	Phát triển các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi, gắn với tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện môi trường.	Chi cục Thủy sản; UBND huyện/thành phố/thị xã	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức/cá nhân có liên quan;	Hàng năm
-	Phát triển nuôi tôm nước lợ ứng dụng các công nghệ sinh học, IoT, nano, quy trình nuôi nhiều giai đoạn, nuôi tuần hoàn, tiết	Chi cục Thủy sản; UBND huyện/thành phố/thị xã	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức/cá nhân có liên quan;	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	kiệm năng lượng,..			
-	Triển khai nuôi cá nước ngọt áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với bảo vệ môi trường	Chi cục Thủy sản; UBND huyện/thành phố/thị xã	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức/cá nhân có liên quan;	2022-2030
-	Xây dựng mô hình nuôi lồng công nghệ cao phù hợp vùng biển hở và kêu gọi thu hút các công ty, doanh nghiệp có năng lực về kinh tế đầu tư phát triển nuôi lồng trên biển.	Chi cục Thủy sản; Trung tâm Khuyến nông; UBND huyện/thành phố/thị xã	Các cơ quan, đơn vị; ; tổ chức/cá nhân có liên quan;	2025-2030
3.3	Công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng chống dịch bệnh thủy sản			
-	Xây dựng và triển khai kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản.	Chi cục Thủy sản	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức/cá nhân có liên quan;	Hàng năm
-	Triển khai Kế hoạch phòng chống dịch bệnh thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND huyện/thành phố/thị xã	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức/cá nhân có liên quan;	Hàng năm
4	Chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản			
4.1	Phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu thủy sản sẵn có trên địa bàn	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Các cơ quan, đơn vị, UBND huyện/thành phố/thị xã, cá nhân có liên quan.	2022-2030
4.2	Xây dựng, phát huy năng lực các khu chế biến thủy sản tập trung.	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	UBND huyện/thành phố/thị xã, tổ chức/cá nhân liên quan	2025-2030
4.3	Kêu gọi nhà đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến quy mô lớn, hiện đại, đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Các cơ quan, đơn vị, UBND huyện/thành phố/thị xã, cá nhân có liên quan.	2022-2030
4.4	Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Các cơ quan, đơn vị, UBND huyện/thành phố/thị xã, cá nhân có liên quan.	2022-2023
V	GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH			
1	Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các đơn vị thuộc Sở, địa phương liên quan.	Hàng năm
2	Sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các đơn vị thuộc Sở, địa phương	Quý

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
			liên quan.	IV/2025
3	Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các đơn vị thuộc Sở, địa phương liên quan.	Quý IV/2030